

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 15-7-2024  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Trần Quốc T1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2024 và đơn xin vắng mặt ngày 12/5/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:** Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc T1 sống chung với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 23/7/2018). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh T1 không chăm lo cuộc sống gia đình, thường hay cãi nhau, chị và anh T1 đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

**- Về con chung:** Trong thời gian chung sống có 01 người con tên Trần Nguyễn Nguyên T2, sinh ngày 11/6/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

**- Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Quốc T1: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Quốc T1 vẫn vắng mặt không lý do; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Trần Quốc T1 có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Quốc T1, yêu cầu nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh T1 là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Quốc T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống không hòa hợp, không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T1 đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị được ly hôn với anh T1.

*[3] Về con chung:* Trong thời gian chung sống Nguyễn Ngọc T và anh Trần Quốc T1 có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Nguyên T2, sinh ngày 11/6/2018, Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, con chung tên Trần Nguyễn Nguyên T2. Hiện nay đang sống cùng với chị, từ khi chị và anh T1 sống ly thân đến nay cháu T2 sống cùng với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu T2 cho chị Nguyễn Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

*[4] Về cấp dưỡng:* Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị T xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp được giải quyết ở vụ án khác

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn với anh Trần Quốc T1.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Nguyễn Nguyên T2, sinh ngày 11/6/2018 (Giới tính: Nam) cho chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc T1 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải nộp số tiền 300.000 đồng; Ngày 14/5/2024 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004957 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

